

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO CÔNG TÁC CỦA BAN GIÁM ĐỐC VIỆN tại Hội nghị Cán bộ viên chức năm 2016

Thực hiện thông báo số 1026/TB-ĐHBK-HCTH ngày 23/11/2016 của Ban chỉ đạo Hội nghị CBVC Trường ĐHBK Hà Nội năm 2016, Ban giám đốc Viện Cơ khí Động lực xây dựng bản Báo cáo công tác trình bày trước Hội nghị Cán bộ viên chức (CBVC) Viện năm 2016 tổ chức vào ngày 29/12/2016 gồm các nội dung sau:

1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ CBVC NĂM 2015

1.1. Công tác tổ chức - cán bộ và điều hành quản lý

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức - cán bộ và điều hành quản lý là:

- *Phát huy cao độ năng lực, trí tuệ của các tổ chức, đoàn thể và cá nhân trong Viện đồng thời tăng cường bồi dưỡng năng lực và bản lĩnh của cán bộ lãnh đạo, chủ động và sáng tạo trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch cho mọi hoạt động của Viện trong khuôn khổ cơ chế phân cấp tự chủ.*

- *Tiếp tục chuẩn hóa và duy trì công tác quản lý cùng với các văn bản theo tiêu chuẩn ISO.*

Viện Cơ khí Động lực hiện có 77 CBVC, trong đó 64 CBGD, 9 PVGD, 4 HCSN. Về cơ cấu độ tuổi, số lượng cán bộ thuộc độ tuổi trên 55 tuổi/từ 35 đến 55 tuổi/dưới 35 tuổi lần lượt là 14/37/26. Về học hàm, học vị, Viện hiện có 2 GS, 21 PGS, 27 TS, 25 ThS, 11 cán bộ đang làm NCS ở nước ngoài (tính tại thời điểm 12/2016). Trong năm 2016, Viện có 04 cán bộ được phong hàm PGS (Phụ lục 1, 2).

Lãnh đạo Viện luôn chú trọng học hỏi và thừa hưởng kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ có thâm niên công tác cao. Đồng thời, đội ngũ cán bộ trẻ luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia vào công tác quản lý, điều hành của Viện.

Về vấn đề cải cách hành chính, Viện nghiêm túc thực hiện việc quản lý văn bản theo ISO và phần mềm eOffice và được đánh giá cao qua các đợt kiểm tra đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài.

Viện là một thành viên tích cực trong nhóm các Viện thí điểm phân cấp tự chủ về tài chính trả lương 2 cho cán bộ từ năm học 2017-2018. Đề án tự chủ này hiện đang trình Ban giám hiệu xem xét và phê duyệt.

Các sự kiện nhân kỷ niệm 60 năm thành lập Trường tại Viện đã được tổ chức một cách thành công. 02 hội nghị toàn quốc, một sự kiện gặp mặt các thế hệ thầy - trò - các đối tác thân thiết và đại lễ ngày 15/10/2016 đã diễn ra theo đúng kế hoạch, chuyên nghiệp và đầm ấm.

1.2. Công tác Đào tạo và công tác sinh viên

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo và công tác sinh viên là:

- *Tiếp tục hoàn thiện các nội dung chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ, nâng cao chất lượng đào tạo, chú trọng tỷ lệ thực tập và thực hành, tăng cường công tác tuyên*

truyền quảng bá, chiêu sinh để có thể tiếp tục mở các lớp đào tạo sau đại học trong và ngoài Trường.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác viết giáo trình, bài giảng, phân đầu viết mới/tái bản 10-20 giáo trình trong giai đoạn 2015-2018.

- Nghiêm túc quản lý tiến độ học tập và nghiên cứu của NCS và học viên ThS khoa học.

- Đề xuất nhà Trường cho phép tuyển sinh ngay từ đầu vào nhằm tăng về số lượng và chất lượng sinh viên đầu vào.

Hiện nay, Viện có khoảng 1500 sinh viên hệ chính quy thuộc 04 chuyên ngành đào tạo ở bậc đại học gồm Kỹ thuật Cơ khí Động lực, Kỹ thuật Hàng không, Kỹ thuật Tàu thủy, Công nghệ Kỹ thuật Ô tô và 1 chương trình đào tạo chất lượng cao hợp tác với Pháp; 80 học viên cao học và 55 nghiên cứu sinh (Phụ lục 3). Số lượng sinh viên đại học lựa chọn các chuyên ngành đại học của toàn Viện các khóa gần đây là K60 (339 sinh viên), K59 (378 sinh viên), K58 (381 sinh viên).

Viện hoàn thành tốt các nhiệm vụ liên quan đến đào tạo đại học và sau đại học. Mặc dù số lượng học viên cao học đang có xu hướng giảm theo tình hình chung của toàn Trường nhưng quy mô đào tạo nghiên cứu sinh của Viện tăng rõ rệt. Các tồn đọng liên quan đến NCS quá hạn đã và đang được lãnh đạo Viện phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý một cách đúng hướng và hiệu quả.

Với phương châm tạo điều kiện cho sinh viên chuyên ngành trải nghiệm sâu và rộng trong thực tế, các đơn vị đã tổ chức các đoàn sinh viên đi thực tập tại các cơ sở sản xuất và dịch vụ lớn, các nhà máy và gara ô tô. Phối hợp tổ chức tốt cho các lớp sinh viên đi tham quan, kiến tập tại các nhà máy sản xuất lớn như Toyota Việt Nam, Ford Việt Nam, Honda Việt Nam, Công ty TNHH Piaggio Việt Nam...

Bên cạnh việc liên tục cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo bậc đại học, trong năm qua, Viện đã hoàn thành việc xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ kỹ thuật Cơ khí động lực định hướng ứng dụng. Chương trình này hiện đã được chính thức đưa vào vận hành như là một giải pháp để tăng khả năng mở lớp cao học định hướng ứng dụng.

Nhằm phục vụ cho công tác đào tạo, CBVC của Viện đã đăng ký viết mới 19 giáo trình nhằm thiết thực chào mừng lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Trường, 4 giáo trình đã được hoàn thành công tác thẩm định và chỉnh sửa (Phụ lục 4), trong đó có 1 giáo trình đã xuất bản.

Việc phân công giảng dạy và tổ chức thực tập cho sinh viên được các đơn vị thực hiện tốt theo nhiệm vụ của từng năm học. CBVC của Viện hoàn thành tốt và vượt định mức khối lượng giảng dạy hàng năm (Phụ lục 5). Công tác dự giờ và đánh giá chất lượng bài giảng, bài thực hành được Viện quan tâm và phối hợp tích cực với Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

Công tác Cố vấn học tập và quản lý lớp sinh viên cũng được Viện đặc biệt chú trọng. Viện đã thành lập Ban tư vấn Cố vấn học tập, có lịch trực cụ thể để giải đáp các thắc mắc của sinh viên. Công tác này đã đi vào nề nếp, hoạt động khá hiệu quả và liên tục được đổi mới về phương thức.

Trong năm qua, Viện đã tiếp nhận 01 sinh viên quốc tế đến thực tập tại BM Hàng không. Nhiều sinh viên của Viện đã nhận được học bổng thực tập và học bổng sau đại học tại nước ngoài: 03 sinh viên nhận học bổng thực tập tốt nghiệp tại ĐH ENSMA (Pháp), 02 sinh viên nhận học bổng của chính phủ Pháp để tiếp tục học 02 năm cuối tại ĐH ENSMA (nhận bằng kép), 01 Sinh viên nhận học bổng nghiên cứu ngắn hạn tại ĐH Tokyo Institut of Technology, 02 sinh viên được tham gia khóa internship tại Thái Lan ; 01 sinh viên được cử đi thực tập tại Nhà máy đóng tàu Oshima, Nhật bản , 01 sinh viên được Denso

Nhật bản cấp học bổng thực tập; 20 sinh viên được Daihatsu tuyển dụng trong khuôn khổ hợp tác với Viện, 12 sinh viên được tuyển dụng vào Nissan Techno trong khuôn khổ hợp tác với Trường ĐHBK, 03 sinh viên được nhận vào làm việc tại Công ty Daizotech... Ngoài ra, có rất nhiều học bổng khuyến khích sinh viên học tập tốt của các tập đoàn, doanh nghiệp khác như: Học bổng Motul, học bổng Toyota, IHI, MHI, Trường Đại học Nagoya.

1.3. Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 chú trọng các mục tiêu:

- *Xây dựng một số nhóm nghiên cứu mạnh, tận dụng sự hỗ trợ của chuyên gia quốc tế để giải quyết một số vấn đề bức xúc của thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.*

- *Khuyến khích đội ngũ nghiên cứu trẻ của Viện khai thác các nguồn kinh phí của nước ngoài, đặc biệt là các nguồn kinh phí nghiên cứu quốc tế.*

- *Khuyến khích hoạt động nghiên cứu ứng dụng kết hợp với nghiên cứu cơ bản, qua đó nâng cao số lượng các công bố quốc tế ISI và số lượng sở hữu trí tuệ. Khuyến khích và kịp thời khen thưởng các thành tích trong học tập, đào tạo và nghiên cứu khoa học của sinh viên và CBVC.*

Công tác nghiên cứu khoa học của Viện luôn được chú trọng. Các cán bộ khoa học, đặc biệt là cán bộ trẻ luôn được động viên, khuyến khích, tạo điều kiện tham gia và chủ trì các công trình nghiên cứu khoa học. Số lượng đề tài các cấp không ngừng được tăng lên hàng năm, đặc biệt là các đề tài NCKH cấp Nhà nước và đề tài hợp tác quốc tế. Các kết quả hoạt động NCKH được tóm tắt trong Phụ lục 6.

Hiện nay, các cán bộ của Viện đang chủ trì 01 đề tài nghiên cứu Nghị định thư hợp tác với Nhật Bản, 03 đề tài hợp tác với nước ngoài trong khuôn khổ chương trình AUN/Seed-Net (02 đề tài đã được nghiệm thu đạt kết quả tốt); 02 đề tài cấp Nhà nước, trong đó 1 đề tài đã nghiệm thu cấp nhà nước thành công vào tháng 3/2016; 02 đề tài Nafosted (thêm 01 đề tài đã được chấp nhận – sẽ ký hợp đồng vào khoảng tháng 03/2017 do TS Phạm Văn Sáng làm chủ nhiệm); 05 đề tài cấp Bộ và 15 đề tài cấp Trường (trong đó có 01 đề tài liên ngành do TS Nguyễn Thế Lương làm chủ nhiệm). Tổng kinh phí của các đề tài khoảng 13 tỷ đồng (Phụ lục 6.1). Một đề tài cấp Nhà nước khác đã được Bộ KH-CN thông qua về nội dung và tài chính, sẽ được triển khai từ năm 2017.

Viện cũng phối hợp và được chỉ định phối hợp với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu và các cơ quan quản lý thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và giải quyết những vấn đề nóng của xã hội như vấn đề cháy nổ phương tiện, giảm phát thải ô nhiễm môi trường cho phương tiện giao thông, năng lượng tái tạo và phương tiện sạch.

Hoạt động thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cũng là một điểm sáng của Viện. Tổng số hợp đồng chuyển giao công nghệ thực hiện trong năm 2016 qua Công ty Cổ phần kỹ thuật Cơ khí chính xác là 15 hợp đồng với tổng kinh phí gần 800 triệu đồng. Hợp tác chuyển giao công nghệ giữa PTN Động cơ đốt trong với Piaggio Việt Nam đã được xây dựng hơn 7 năm và liên tục được phát triển trong thời gian vừa qua. Hầu hết các sản phẩm xe máy của Piaggio sản xuất cho khu vực Châu Á Thái Bình Dương đều được qua thử nghiệm khí thải tại PTN Động cơ đốt trong.

Trong năm qua, Viện đã tổ chức thành công Hội nghị Cơ học Thủy khí toàn quốc (phối hợp với Hội Cơ học Thủy khí - 7/2016), Hội nghị Cơ khí - Động lực toàn quốc (phối hợp với Viện Cơ khí và Tổng hội Cơ khí VN - 10/2016) và cuộc thi đua tàu thủy mô hình ShipCom 2016. Ngoài ra, Viện luôn khuyến khích các cán bộ duy trì và nâng cao công bố khoa học trong nước và quốc tế. Trong 2 năm 2015 - 2016 các cán bộ của Viện đã công bố 109 bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị trong nước và quốc tế, trong đó có 13 bài đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số Scopus /ISI, 01 bài SCI Mago, riêng năm 2016 có

tới 11 bài báo Scopus /ISI (Phụ lục 6.2, 6.3). Đây là thành tích rất nổi bật của đội ngũ cán bộ của Viện, đặc biệt là cán bộ trẻ.

Nghiên cứu khoa học sinh viên :

Công tác Nghiên cứu khoa học sinh viên nhận được sự quan tâm sát sao của lãnh đạo Viện. Các thành tích nổi bật của hoạt động này gồm: Tổ chức và đồng tổ chức các cuộc thi Tàu thủy mô hình (Shipcom 2016), và máy bay mô hình 2015. Các nhóm sinh viên tham gia và đạt giải cao tại các cuộc thi đua xe tiết kiệm nhiên liệu như Shell Eco Marathon, Honda Eco Milleage Challenge (giải Nhì năm 2015). Sinh viên của Viện luôn đạt giải cao trong các kỳ thi Olympic cơ học chất lỏng toàn quốc tổ chức hàng năm (giải Nhì đồng đội Olympic thủy lực cấp quốc gia năm 2016), giải Nhì triển lãm sản phẩm sinh viên nghiên cứu khoa học “Ngày hội sáng tạo khoa học trẻ Bách khoa Hà Nội 2016”, giải Nhất cấp trường với đề tài “Nghiên cứu chế tạo máy bay không người lái sử dụng năng lượng mặt trời”, giải Nhì bình chọn qua mạng với đề tài “Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo mô hình xe ô tô hybrid xăng - điện”...

1.4. Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong công tác Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế là: *Mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, xây dựng các dự án nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ đầu tư, nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ CBVC, đặc biệt là các cán bộ trẻ.*

Hoạt động hợp tác quốc tế của Viện liên tục được đẩy mạnh, trong đó điển hình là những hoạt động trao đổi cán bộ nghiên cứu trong mạng lưới AUN/Seed-Net, mạng lưới AOTULE và mạng lưới các trường ĐH nghiên cứu về năng lượng xanh ANEGER. Các chương trình hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học giữa Viện với các đối tác khác như: Tập đoàn công nghiệp nặng Mitsubishi (MHI) từ năm 2009 đến nay mỗi năm trao tặng 12 suất học bổng cho SV xuất sắc, Tập đoàn AVAVE đã tài trợ phần mềm AVEVA-Marine (trị giá khoảng 1.000.000 Euro) phục vụ đào tạo chuyên ngành kỹ thuật tàu thủy kèm chuyên gia đào tạo, Trường Đại học Nagoya và tập đoàn SAFRAN (hàng năm duy trì tổ chức 03 bài giảng, 02 hội thảo về chuyên đề Hàng không), tập đoàn dầu nhớt Motul của Pháp, Nissan Techno.

Các hợp tác về đào tạo và nghiên cứu mới với đối tác quốc tế được ký kết trong năm 2015 và 2016 gồm hợp tác với AVEVA, Công ty Nordic, Daihatshu và workstaff, Denso và TokyoTech Nhật Bản... Hợp tác với hãng AVL, Cộng hòa Áo cũng ngày càng phát triển, nhờ đó hệ thống thiết bị mặc dù đã 12 năm tuổi vẫn hoạt động bình thường và phát huy hiệu quả trong việc thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ.

Viện phối hợp với Viện Điện, dưới sự điều phối của Phòng HTQT đang tham gia thực hiện dự án ECO RED (2015-2018) về phát triển hệ thống các học phần đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn Châu Âu về năng lượng tái tạo. Dự án do Erasmus⁺ hỗ trợ và có sự tham gia của nhiều trường Đại học hàng đầu của Châu Âu. Viện cũng đang chủ trì phối hợp với các trường ĐH Nagoya Nhật Bản, Chulalongkorn Thái Lan, ĐH Quốc Gia Lào thực hiện dự án hợp tác quốc tế JSPS Core-to-Core pha 2 do Chính phủ Nhật Bản tài trợ. Dự án về phương tiện và nhiên liệu sinh học của khu vực Đông Á (ERIA Energy project) cũng đã chính thức kết nạp Viện CKĐL là thành viên mới của dự án từ năm 2016. Ngoài ra, các chuyên gia của Viện còn tham gia vào các dự án do tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ) thực hiện về năng lượng tái tạo và kinh tế nhiên liệu của phương tiện.

Viện cũng luôn khuyến khích cán bộ tham dự các Hội nghị khoa học quốc tế tổ chức ở nước ngoài cũng như tổ chức đón tiếp và trao đổi về cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài. Hoạt động này có ý nghĩa quan trọng trong việc mở rộng tầm nhìn và nâng cao cơ hội hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu.

1.5. Xây dựng cơ sở vật chất

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng cơ sở vật chất là: *Tăng cường đầu tư và quản lý cơ sở vật chất, tạo sự liên kết giữa các đơn vị trong Viện để cùng khai thác tối đa và hiệu quả trang thiết bị, phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu.*

Dự án PTN cơ sở của Bộ môn Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy với tổng kinh phí khoảng 1 tỷ, trong đó 1 phòng máy tính gồm máy trạm và các máy tính bàn phục vụ cho các hoạt động tính toán số thủy động lực học, và 1 bể thử tàu thủy cỡ nhỏ đã được trang bị và sẵn sàng đi vào khai thác.

Vào dịp kỷ niệm 60 năm thành lập trường, với nỗ lực của cán bộ viên chức và lãnh đạo Viện cũng như lãnh đạo các đơn vị, khá nhiều trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu đã được cựu sinh viên và đối tác biếu tặng. Tổng trị giá cho các trang thiết bị này là 458.500.000 đ (Phụ lục 7). Các đơn vị cũng tận dụng tốt nguồn tài trợ thiết bị từ các đối tác thường xuyên như Toyota, Ford, Piaggio.

Các văn phòng, phòng thí nghiệm được đầu tư, nâng cấp và sửa chữa nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập Trường gồm: phòng máy tính và văn phòng BM Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy, văn phòng BM Máy và tự động thủy khí, phòng học chuyên ngành C3-309 và văn phòng BM Động cơ đốt trong, văn phòng BM ô tô và xe chuyên dụng. Bể thử tuabin nước và tua bin gió công suất nhỏ cũng đã được triển khai thi công xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư của ngân hàng thế giới (World Bank) cho BM Máy và tự động thủy khí.

Trang web thông tin của Viện liên tục được cập nhật nội dung đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho cán bộ, sinh viên, các đối tác trong và ngoài nước.

1.6. Quản lý tài chính

Nghị quyết Hội nghị CBVC Viện lần thứ 3 đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý tài chính là: *Tận dụng tối đa các nguồn thu và chủ động tạo các nguồn thu mới để xây dựng quỹ Viện, góp phần nâng cao phúc lợi cho CBVC và tăng mức hỗ trợ cho các phong trào của Viện.*

Thực hiện nghị quyết, Viện đã có nhiều hoạt động tích cực trong quản lý tài chính theo hướng minh bạch hóa và đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Viện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, lập dự toán chi tiết theo hạn mức kinh phí đã được nhà Trường giao, phối hợp chặt chẽ với các phòng liên quan triển khai tốt chủ trương phân cấp quản lý tài chính.

Do còn nhiều ràng buộc trong cơ chế nên nguồn thu của Viện nhìn chung eo hẹp, để có thể đáp ứng các nhu cầu chi tối thiểu của Viện về các mảng hoạt động lãnh đạo Viện thống nhất chính sách chi hết sức tiết kiệm.

Tình hình tài chính của Viện năm 2016 như sau:

Tổng thu từ 01/2016 đến 12/2016, tính gồm cả số dư đầu kỳ: 541.621.584đ, trong đó thu từ tài trợ/biếu tặng cho các hoạt động 60 năm thành lập trường 232.000.000đ.

Tổng chi cho mọi hoạt động của Viện: 539.388.080đ, trong đó chi cho phúc lợi 198.782.000đ, chi cho công tác tổ chức hoạt động 60 năm thành lập trường 145.765.000đ.

Tính đến 12/2016, quỹ Viện có 247.893.632đ (Phụ lục 8).

1.7. Hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn thể, thi đua và đời sống

Đảng bộ Viện luôn giữ vai trò lãnh đạo toàn diện mọi mặt hoạt động của Viện và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trong năm qua, Đảng bộ Viện đã kết nạp thêm 01 đảng viên mới nâng tổng số đảng viên của Viện lên 44 người. Đảng bộ Viện còn được tặng Giấy khen Đảng bộ đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu 3 năm liền.

Công đoàn thường xuyên làm tốt các hoạt động phong trào tăng tình đoàn kết, gắn bó và hiểu biết giữa các công đoàn viên và đã đạt được các thành tích đáng khích lệ như Giải Nhì cuộc thi kéo co, Giải Ba toàn đoàn liên hoan văn nghệ, Giải Nhất, Giải Ba giải Tennis cán bộ trẻ 2015, Giải Nhất tennis 2016. Trong năm qua Công đoàn Viện đã được tặng Bằng khen Ban chấp hành Công đoàn giáo dục, Công đoàn bộ phận xuất sắc. Các hoạt động hiếu hỷ, thăm hỏi các CBVC, tứ thân phụ mẫu ốm đau được thực hiện một cách kịp thời.

Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên được Đảng ủy và Lãnh đạo Viện định hướng, quan tâm và ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều hoạt động của Liên chi đoàn, Liên chi Hội đã gặt hái được nhiều thành công, được cấp trên ghi nhận và khen thưởng (Phụ lục 9, 10). Các hoạt động đó cung cấp cho sinh viên nhiều kiến thức mềm, kiến thức xã hội, bên cạnh việc thúc đẩy phong trào học tập và rèn luyện.

Công tác thi đua, khen thưởng: Ban lãnh đạo Viện rất chú trọng và thực hiện nghiêm túc những quy định, hướng dẫn của Trường trong công tác xét thi đua và xét phong học hàm, bảo đảm quyền lợi chính đáng cho CBVC. Trong năm 2016, 4 CBGV được phong hàm và bổ nhiệm Phó giáo sư, 03 CB đạt danh hiệu CSTĐ cấp Bộ, 03 CB được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, 07 CB được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp KHCN và Viện đã đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cấp Bộ (Phụ lục 11).

Chăm lo đời sống CBVC: Những khoản chi cho hoạt động thăm hỏi, hiếu hỷ, chăm lo đời sống CBVC... đều do quỹ Viện đảm nhiệm. Vào dịp Tết Nguyên đán, Viện đều có phúc lợi cho CBVC. Ngoài việc trích quỹ phúc lợi, nhiều CBVC đã tự nguyện đóng góp để ủng hộ cho các phong trào sinh viên và các hoạt động công đoàn.

Tóm lại, trong năm qua, Viện Cơ khí Động lực là một đơn vị hoạt động đồng đều và hiệu quả trên tất cả các mặt như đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đều phát huy tốt vai trò và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được cấp trên đánh giá cao.

2. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Phương hướng hoạt động chung của Viện năm 2017 được định hướng theo chủ trương chung của Nhà trường là tập trung xây dựng và triển khai các giải pháp thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ toàn diện của trường, đặc biệt tập trung xây dựng và triển khai thực hiện thí điểm cơ chế mở rộng phân cấp tự chủ tài chính tại Viện.

2.1. Công tác tổ chức - cán bộ và điều hành - quản lý

- Tổ chức thực hiện các nội dung đổi mới và nâng cao năng lực hệ thống quản lý và điều hành theo chủ trương chung của Nhà trường. Trong đó Viện CKDL là một trong 5 Viện thực hiện thí điểm mô hình quản lý mới, chú trọng đến hoạt động tự chủ tài chính, nâng cao năng lực thực hiện và chất lượng hoạt động.

- Triển khai và tham gia thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả các quy chế quy định mới do Nhà trường ban hành trong môi trường tự chủ toàn diện trường đại học.

- Tận dụng cơ hội để tham gia triển khai các đề án thu hút cán bộ giỏi trong và ngoài nước về Viện làm việc. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc quy định mới về tuyển dụng và ký hợp đồng lao động. Theo đó, từ năm 2017 chỉ tuyển dụng vào viên chức các giảng viên có trình độ tiến sĩ và đạt chuẩn ngoại ngữ; đối với các cán bộ giảng dạy chưa đủ chuẩn chỉ thực hiện cơ chế ký hợp đồng lao động.

- Tăng cường quản lý hiệu quả các hoạt động hành chính theo tiêu chuẩn ISO.

2.2. Công tác đào tạo và công tác sinh viên

- Lập kế hoạch triển khai đổi mới và phát triển chương trình đào tạo theo chủ trương chung của Nhà trường, với cấu trúc và nội dung được thiết kế dựa trên chuẩn trình độ đầu ra của mỗi chương trình đào tạo, chú trọng đến năng lực hành nghề của người tốt nghiệp.

- Tham gia tích cực trong công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, chủ động trong việc lên kế hoạch và thực hiện kiểm định các chương trình đào tạo theo đúng kế hoạch đã đăng ký với Nhà trường. Tăng cường công tác thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên, của các doanh nghiệp tuyển dụng sinh viên.

- Cải thiện công tác cố vấn học tập và công tác quản lý lớp; triển khai mạnh mẽ kênh tư vấn trực tuyến nhằm nâng cao khả năng tiếp cận và hiệu quả của công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên.

- Hoàn thành tốt công tác tuyển sinh đào tạo sau đại học và quản lý nghiêm túc tiến độ học tập và nghiên cứu của NCS và học viên cao học.

- Chủ động và sáng tạo tham gia các hoạt động giới thiệu tuyển sinh của Nhà trường.

2.3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Thành lập và khuyến khích các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực thời sự của khối Cơ khí động lực dựa trên nền tảng các công trình, các hướng nghiên cứu hiện có, cũng như cơ sở vật chất, nhân lực và quan hệ hợp tác của các đơn vị.

- Xây dựng một số nhóm nghiên cứu mạnh, tận dụng sự hỗ trợ của chuyên gia quốc tế để giải quyết một số vấn đề bức xúc của thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

- Tăng cường và khuyến khích hợp tác trong nội bộ Viện để hình thành những dự án, đề tài hoặc hợp đồng dịch vụ chung. Mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, qua đó tăng được số lượng các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như các hợp đồng dịch vụ, lao động sản xuất.

- Xây dựng bộ quy trình quản lý và thực hiện các đề tài và hoạt động khoa học công nghệ theo mức phân cấp tự chủ. Thực hiện đúng tiến độ các đề tài nghiên cứu các cấp.

- Đăng ký thành công ít nhất 1 nhiệm vụ khoa học cấp Nhà nước và tương đương; đăng ký thành công 2 nhiệm vụ khoa học cấp bộ cho năm 2017.

- Khuyến khích đội ngũ nghiên cứu trẻ của Viện khai thác các nguồn kinh phí của nước ngoài, đặc biệt là các nguồn kinh phí nghiên cứu quốc tế. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu ứng dụng kết hợp với nghiên cứu cơ bản, qua đó nâng cao hơn nữa số lượng các công bố quốc tế và số lượng sở hữu trí tuệ.

- Tiếp tục đổi mới và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động NCKH trong sinh viên, xây dựng mô hình các câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp; định hướng cho sinh viên gắn kết các hoạt động học tập, nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp.

2.4. Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế

- Thực hiện thành công và đúng tiến độ 3 dự án hợp tác quốc tế: Eco-Red, JSPS Core-to-Core và ERIA Energy, và các hợp tác khác với Motul, Aveva, Denso và TokyoTech, Nordic, Daihatsu và Workstaff nhằm thúc đẩy chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ.

- Khuyến khích đội ngũ chuyên gia của Viện tham gia xây dựng và thực hiện các dự án hợp tác quốc tế, các dự án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.

- Trao đổi sinh viên/cán bộ nghiên cứu trong mạng lưới AUN/Seed-Net, AOTULE, và trong khuôn khổ các chương trình/dự án hợp tác như MHI, Eco-Red và JSPS Core-To-Core.

2.4. Quan hệ đối ngoại - Hợp tác quốc tế

- Thực hiện thành công và đúng tiến độ 3 dự án hợp tác quốc tế: Eco-Red, JSPS Core-to-Core và ERIA Energy, và các hợp tác khác với Motul, Aveva, Denso và TokyoTech, Nordic, Daihatsu và Workstaff nhằm thúc đẩy chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ.

- Khuyến khích đội ngũ chuyên gia của Viện tham gia xây dựng và thực hiện các dự án hợp tác quốc tế, các dự án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.

- Trao đổi sinh viên/cán bộ nghiên cứu trong mạng lưới AUN/Seed-Net, AOTULE, và trong khuôn khổ các chương trình/dự án hợp tác như MHI, Eco-Red và JSPS Core-To-Core.

- Tổ chức và tham gia các hoạt động hội thảo, hội nghị, bài giảng trong khuôn khổ các hợp tác quốc tế với MHI và Trường Đại học Nagoya, cũng như trong khuôn khổ các dự án hợp tác quốc tế.

- Triển khai thực hiện thành công các hợp tác trong nước và quốc tế của Viện.

2.5. Cơ sở vật chất, thiết bị

- Phân đấu từng bước đầu tư và chỉnh trang các PTN cơ sở phục vụ đào tạo theo chủ trương chung của Nhà trường; tận dụng tối đa các quan hệ hợp tác của Viện với các đối tác cũng như sự hỗ trợ của cựu sinh viên để phát triển và nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

- Xây dựng các dự án nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho các hướng nghiên cứu mũi nhọn của Viện.

- Lập kế hoạch và thực hiện hiệu quả các công tác phân cấp tự chủ liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị, vật tư hóa chất.

2.6. Quản lý tài chính

- Thực hiện các hoạt động tài chính công khai, minh bạch, hiệu quả theo quy chế thu chi nội bộ của Viện.


- Đề trình và triển khai thực hiện đề án phân cấp hoạt động tài chính tại Viện từ năm học 2017-2018 cùng với các Viện thí điểm tự chủ theo chủ trương của Nhà trường.

3. KẾT LUẬN

Trên đây là bản cáo cáo của lãnh đạo Viện trước Hội nghị toàn thể CBVC. Trên cơ sở những thành tích và bài học kinh nghiệm đã đạt được trong năm qua, Ban lãnh đạo Viện kêu gọi toàn thể CBVC tăng cường đoàn kết, nhất trí, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ Viện, tập trung thực hiện tốt các giải pháp trong các mảng công tác đã nêu nhằm nâng cao chất lượng và năng suất hoạt động, từ đó tăng tính công bằng đồng thời tạo động lực làm việc cho cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ.

Viện kiên định mục tiêu năng động đổi mới, phát triển bền vững và đồng đều các đơn vị trong Viện, thúc đẩy các hoạt động mũi nhọn, tranh thủ mọi cơ hội và tạo mọi điều kiện tốt nhất để các cá nhân, đơn vị trong Viện cùng phát triển.

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS. *Lê Anh Tuấn*

Phụ lục 2. PHÂN BỐ ĐỘ TUỔI VÀ TÌNH HÌNH BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

| TT | Năm | Phân bố độ tuổi | | | Học vị | | | Học hàm | | Cán bộ trẻ đang được đào tạo | | | |
|----|---------------------------|-----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------|-----------|------------------------------|----------|------------|----------|
| | | >55 | 35 - 55 | <35 | TS | ThS | ĐH | GS | PGS | Nước ngoài | | Trong nước | |
| | | | | | | | | | | NCS | CH | NCS | CH |
| 1 | 2013 | 14 | 34 | 33 | 43 | 28 | 10 | 2 | 17 | 12 | 1 | 3 | 1 |
| | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 3 | 8 | 4 | 7 | 8 | | | 4 | 3 | | 1 | |
| | - BM Động cơ đốt trong | 3 | 7 | 5 | 11 | 3 | 1 | 1 | 4 | | 1 | | |
| | - BM Máy & TĐTK | 5 | 3 | 6 | 9 | 4 | 1 | 1 | 4 | 2 | | | 1 |
| | - BM KTTK & Tàu thủy | 2 | 8 | 8 | 9 | 4 | 5 | | 4 | 5 | | 1 | |
| | - BM KTHK & VT | 1 | 6 | 6 | 7 | 6 | | | 1 | 2 | | 1 | |
| | - PTN Động cơ đốt trong | | | 2 | | 2 | | | | | | | |
| | - VP Viện Cơ khí Động lực | | | 2 | | 1 | 3 | | | | | | |
| 2 | 2014 | 14 | 35 | 32 | 44 | 28 | 9 | 2 | 17 | 11 | 1 | 3 | |
| | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 3 | 9 | 3 | 7 | 8 | | | 4 | 3 | | 1 | |
| | - BM Động cơ đốt trong | 3 | 8 | 4 | 11 | 3 | 1 | 1 | 4 | | 1 | | |
| | - BM Máy & TĐTK | 5 | 3 | 7 | 10 | 4 | 1 | 1 | 4 | 2 | | | |
| | - BM KTTK & Tàu thủy | 2 | 7 | 7 | 10 | 4 | 4 | | 4 | 3 | | 1 | |
| | - BM KTHK & VT | 1 | 6 | 7 | 7 | 6 | | | 1 | 2 | | 1 | |
| | - PTN Động cơ đốt trong | | | 2 | | 2 | | | | 1 | | | |
| | - VP Viện Cơ khí Động lực | | | 2 | | 1 | 3 | | | | | | |
| 3 | 2015 | 14 | 34 | 30 | 48 | 27 | 4 | 2 | 18 | 11 | | 3 | |
| | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 3 | 9 | 3 | 9 | 6 | | | 4 | 3 | | 1 | |
| | - BM Động cơ đốt trong | 3 | 8 | 4 | 11 | 4 | | 1 | 4 | | | | |
| | - BM Máy & TĐTK | 5 | 4 | 6 | 10 | 4 | 1 | 1 | 5 | 2 | | | |
| | - BM KTTK & Tàu thủy | 2 | 7 | 5 | 10 | 3 | 1 | | 4 | 2 | | 1 | |
| | - BM KTHK & VT | 1 | 5 | 8 | 8 | 6 | | | 1 | 3 | | 1 | |
| | - PTN Động cơ đốt trong | | | 2 | | 2 | | | | 1 | | | |
| | - VP Viện Cơ khí Động lực | | 2 | 2 | | 2 | 2 | | | | | | |
| 4 | 2016 | 14 | 37 | 26 | 50 | 25 | 2 | 2 | 21 | 11 | | 3 | |
| | - BM Ôtô & xe chuyên dụng | 4 | 8 | 3 | 9 | 6 | | | 4 | 2 | | 1 | |
| | - BM Động cơ đốt trong | 2 | 8 | 4 | 10 | 4 | | 1 | 6 | 1 | | | |
| | - BM Máy & TĐTK | 5 | 3 | 6 | 12 | 2 | | 1 | 5 | 1 | | 1 | |
| | - BM KTTK & Tàu thủy | 2 | 9 | 3 | 11 | 3 | | | 5 | 2 | | | |
| | - BM KTHK & VT | 1 | 7 | 6 | 8 | 6 | | | 1 | 4 | | 1 | |
| | - PTN Động cơ đốt trong | | | 2 | | 2 | | | | 1 | | | |
| | - VP Viện Cơ khí Động lực | | 2 | 2 | | 2 | 2 | | | | | | |

Phụ lục 3. SỐ LƯỢNG SINH VIÊN, HỌC VIÊN VÀ NCS

| TT | Năm học Loại hình | 2013-2014 | | | 2014-2015 | | | 2015-2016 | | | 2016-2017 | | |
|----------|------------------------|------------|------------|------------|------------|-------------|------------|------------|-------------|------------|------------|-------------|------------|
| | | Đầu vào | Tổng số | Tốt nghiệp | Đầu vào | Tổng số | Tốt nghiệp | Đầu vào | Tổng số | Tốt nghiệp | Đầu vào | Tổng số | Tốt nghiệp |
| 1 | Nghiên cứu sinh | 8 | 42 | 4 | 11 | 49 | 5 | 12 | 56 | 6 | 7 | 55 | 2 |
| | - Ôtô | 2 | 15 | | 4 | 19 | | 2 | 21 | 4 | 1 | 17 | 1 |
| | - Động cơ | 3 | 13 | 1 | 3 | 15 | 5 | 7 | 17 | | 3 | 20 | |
| | - Máy thủy khí | 2 | 6 | 1 | 3 | 8 | | 3 | 11 | | 2 | 12 | |
| | - Hàng không | | 2 | | 1 | 3 | | | 3 | | | 3 | 1 |
| | - Tàu thủy | 1 | 2 | | | 2 | | | 2 | | | 2 | |
| | - Cơ học chất lỏng | 1 | 4 | 2 | | 2 | | | 2 | 2 | 1 | 1 | |
| 2 | Cao học | 32 | 187 | 121 | 37 | 107 | 60 | 50 | 98 | 33 | 15 | 80 | 13 |
| | - Ôtô | 27 | 113 | 70 | 27 | 74 | 35 | 33 | 71 | 25 | 5 | 51 | 13 |
| | - Động cơ | | 62 | 41 | 5 | 26 | 21 | 2 | 7 | 5 | | 2 | |
| | - Máy thủy khí | 5 | 12 | 10 | 5 | 7 | 4 | 15 | 20 | 3 | 10 | 27 | |
| 3 | Đại học | 306 | 995 | 98 | 381 | 1137 | 143 | 378 | 1294 | 152 | 339 | 1429 | |
| | - Cơ khí động lực | 153 | 568 | 68 | 153 | 656 | 100 | 221 | 784 | 111 | 158 | 803 | |
| | - KT hàng không | 58 | 164 | 21 | 58 | 210 | 21 | 50 | 179 | 20 | 40 | 198 | |
| | - KT tàu thủy | | 66 | 5 | 38 | 94 | 8 | 36 | 72 | 12 | 40 | 110 | |
| | - CNKT ô tô | 95 | 197 | 4 | 132 | 177 | 14 | 71 | 259 | 9 | 101 | 318 | |
| 4 | Kỹ sư 2 | 1 | 6 | 2 | | 4 | | | 4 | | | | |
| | - Ôtô | | 2 | | | 2 | | | 2 | | | | |
| | - Động cơ | | 1 | 1 | | | | | | | | | |
| | - Hàng không | | 1 | 1 | | | | | | | | | |
| | - Máy thủy khí | | 1 | | | 1 | | | 1 | | | | |
| | - Cơ khí động lực | 1 | 1 | | | 1 | | | 1 | | | | |

Phụ lục 4. GIÁO TRÌNH BÀI GIẢNG

| TT | Tên giáo trình | Ban biên soạn | Đơn vị | Hình thức | Ghi chú |
|----|--|--|--------------------------------------|-----------|--|
| 1 | Động học, động lực học và dao động động cơ đốt trong | PGS. Phạm Văn Thế (chủ biên), PGS. Lê Anh Tuấn, PGS. Phạm Hữu Tuyền, PGS. Trần Thị Thu Hương | Bộ môn Động cơ đốt trong | Viết mới | |
| 2 | Hệ thống nhiên liệu và tự động điều chỉnh tốc độ động cơ đốt trong | PGS. Hoàng Đình Long PGS. Lê Anh Tuấn PGS. Không Vũ Quảng | | Viết mới | |
| 3 | Nhiên liệu thay thế dùng cho động cơ đốt trong | PGS. Lê Anh Tuấn (chủ biên) PGS. Văn Đình Sơn Thọ PGS. Phạm Hữu Tuyền | | Viết mới | Đã họp HĐ thẩm định tháng 11/2016 |
| 4 | Hệ thống thời gian thực: Mô hình hóa, phân tích và thiết kế hướng đối tượng thống nhất | PGS. Ngô Văn Hiến | Bộ môn Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy | Viết mới | |
| 5 | Cơ học vật bay | PGS. Lê Quang | | Viết mới | Hoàn thành - 2016 |
| 6 | Bài tập Cơ học vật bay | PGS. Lê Quang | | Viết mới | |
| 7 | Kết cấu thân tàu | TS. Phạm Thị Thanh Hương | | Viết mới | |
| 8 | Nhập môn Kỹ thuật tàu thủy | TS. Lê Thị Thái | | Viết mới | Hoàn thành - 2016 |
| 9 | Thủy động lực học nâng cao | PGS. Lê Quang | | Viết mới | |
| 10 | Sử dụng Auto-Ship trong thiết kế tàu thủy (Phần 2) | TS. Ngô Văn Hệ PGS. Ngô Văn Hiến | | Viết mới | Đã họp HĐ thẩm định 2016. K ^o xuất bản GT |
| 11 | Chân vịt và thiết bị đẩy tàu thủy | TS. Phan Anh Tuấn | | Viết mới | |
| 12 | Bài tập Kỹ thuật thủy khí | PGS. Lê Quang | | Viết mới | |
| 13 | Vẽ tàu | TS. Hoàng Công Liêm | | Viết mới | |
| 14 | Công nghệ đóng tàu | PGS. Lương Ngọc Lợi | | Viết mới | |
| 15 | Tin học trong thời gian thực | PGS. Ngô Văn Hiến | Viết mới | | |
| 16 | Nhập môn kỹ thuật hàng không | TS. Vũ Quốc Huy, PGS. Nguyễn Phú Khánh, TS. Lê Xuân Trường, TS. Hoàng Thị Kim Dung, TS. Vũ Đình Quý, TS. Đinh Tấn Hưng | Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ | Viết mới | |
| 17 | Phương pháp số trong cơ học chất lỏng | TS. Hoàng Thị Kim Dung, TS. Lưu Hồng Quân, PGS. Nguyễn Phú Hùng | | Viết mới | |
| 18 | Kết cấu máy bay | TS. Vũ Quốc Huy, TS. Vũ Đình Quý, TS. Lê Thị Tuyết Nhung | | Viết mới | |
| 19 | Truyền động thủy động | PGS. Bùi Quốc Thái TS. Đỗ Huy Cương | BM Máy & Tự động | Viết mới | |

Phụ lục 5. THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIẢNG DẠY

| TT | Đơn vị | Số lượng cán bộ | Giờ định mức | Giờ giảng dạy ĐH quy đổi | Giờ giảng dạy SDH quy đổi | Tổng giờ quy đổi |
|--------------------------|-------------------------------------|--------------------|-----------------|-----------------------------|------------------------------|------------------|
| Năm học 2013-2014 | | 81 | 13.166,0 | 14.375,6 | 10.374,0 | 24.749,6 |
| 1 | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17 | 3.594,8 | 2.411,8 | 2.785,0 | 5.196,8 |
| 2 | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 17 | 2.549,0 | 3.028,1 | 5.015,5 | 8.043,6 |
| 3 | Bộ môn Máy & TĐTK | 14 | 2.984,0 | 2.992,0 | 1.239,5 | 4.231,5 |
| 4 | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 16 | 2.198,4 | 2.427,8 | 786,0 | 3.213,8 |
| 5 | BM KT Hàng không & VT | 13 | 1.840,0 | 3.515,9 | 548,0 | 4.063,9 |
| 6 | Văn phòng Viện | 04 | | | | |
| Năm học 2014-2015 | | 79 | 15.554,0 | 16.067,5 | 9.652,0 | 25.719,5 |
| 1 | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17 | 4.116,0 | 2.872,5 | 2.909,5 | 5.782,0 |
| 2 | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 15 | 3.458,0 | 4.152,0 | 3.982,5 | 8.134,5 |
| 3 | Bộ môn Máy & TĐTK | 15 | 3.166,8 | 3.240,8 | 1.156,0 | 4.396,8 |
| 4 | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 14 | 2.870,8 | 2.475,0 | 696,0 | 3.171,0 |
| 5 | BM KT Hàng không & VT | 14 | 1.942,4 | 3.327,2 | 908,0 | 4.235,2 |
| 6 | Văn phòng Viện | 04 | | | | |
| Năm học 2015-2016 | | 78 | 14.865 | 15.334 | 7.712 | 23.046 |
| 1 | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17 | 3.888 | 2.357 | 2.618 | 4.975 |
| 2 | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 15 | 3.132 | 4.498 | 3.604 | 8.102 |
| 3 | Bộ môn Máy & TĐTK | 14 | 2.835 | 3.264 | 832 | 4.096 |
| 4 | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 14 | 2.782 | 2.303 | 488 | 2.791 |
| 5 | BM KT Hàng không & VT | 14 | 2.228 | 2.912 | 170 | 3.082 |
| 6 | Văn phòng Viện | 04 | | | | |

Phụ lục 6. THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

| TT | Đơn vị | Số lượng cán bộ | Giờ định mức | Giờ quy đổi từ bài báo | Giờ quy đổi từ đề tài | Tổng giờ quy đổi |
|--------------------------|-------------------------------------|-----------------|---------------|------------------------|-----------------------|------------------|
| Năm học 2013-2014 | | 81 | 21.682 | 33.011 | 15.300 | 49.028 |
| 1 | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17 | 5.975 | 12.330 | 5.200 | 17.530 |
| 2 | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 17 | 3.370 | 4.307 | 2.100 | 6.407 |
| 3 | Bộ môn Máy & TĐTK | 14 | 5.545 | 4.099 | 5.600 | 9.699 |
| 4 | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 16 | 3.482 | 4.836 | 900 | 5.736 |
| 5 | BM KT Hàng không & VT | 13 | 3.310 | 7.439 | 1.500 | 9.656 |
| 6 | Văn phòng Viện | 04 | | | | |
| Năm học 2014-2015 | | 79 | 25.519 | 41593 | 19.400 | 60.993 |
| 1 | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17 | 6.930 | 16.325 | 6.400 | 23.305 |
| 2 | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 15 | 5.155 | 2.150 | 2.500 | 4.950 |
| 3 | Bộ môn Máy & TĐTK | 15 | 5.845 | 4.337 | 5.775 | 1.512 |
| 4 | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 14 | 4.103 | 7.366 | 1.125 | 9.460 |
| 5 | BM KT Hàng không & VT | 14 | 3.486 | 11.415 | 3.600 | 16.526 |
| 6 | Văn phòng Viện | 04 | | | | |
| Năm học 2015-2016 | | 78 | 28.893 | 24.163 | 14.875 | 39.038 |
| 1 | Bộ môn Động cơ đốt trong + PTN ĐCĐT | 17 | 8.040 | 6.353 | 5.350 | 11.703 |
| 2 | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | 15 | 5.760 | 7.500 | 0 | 7.500 |
| 3 | Bộ môn Máy & TĐTK | 14 | 5.700 | 2.280 | 4.775 | 7.055 |
| 4 | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | 14 | 5.043 | 4.890 | 1.200 | 6.090 |
| 5 | BM KT Hàng không & VT | 14 | 4.350 | 3.140 | 3.550 | 6.690 |
| 6 | Văn phòng Viện | 04 | | | | |

6.1. BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ TÀI DỰ ÁN CÁC CẤP NĂM 2016

| TT | Đơn vị | Trang thiết bị, PTN, sửa chữa nhỏ | | Đề tài, dự án hợp tác Q tế | | Đề tài cấp Nhà nước | | | | Đề tài nhánh cấp Nhà nước | | Đề tài cấp bộ | | ĐT cấp Thành phố, Tỉnh, Sở, Viện | | Đề tài cấp trường | | Ghi chú |
|----|--------------------------------------|-----------------------------------|----------|----------------------------|-------------|---------------------|------------|----------|-------------|---------------------------|----------|---------------|-------------|----------------------------------|----------|-------------------|------------|---------|
| | | SL | KPhí | SL | KPhí | KHCB | | KHCCN | | SL | KPhí | SL | KPhí | SL | KPhí | SL | KPhí | |
| | | | | | | SL | KPhí | SL | KPhí | | | | | | | | | |
| 1 | BM. Động cơ và PTN Động cơ đốt trong | | | 1 | 1000 | | | 1 | 3230 | | | 3 | 1150 | | | 3 | 150 | |
| 2 | BM. Ô tô và xe chuyên dụng | | | | | | | | | | | | | | | 3 | 95 | |
| 3 | BM. Máy và tụ động thủy khí | | | 1 | 500 | 1 | 600 | | | | | 2 | 950 | | | 2 | 65 | |
| 4 | BM. KT thủy khí và tàu thủy | | | | | | | | | | | | | | | 3 | 100 | |
| 5 | BM. KT Hàng không và vũ trụ | | | 2 | 4400 | 1 | 300 | | | | | | | | | 4 | 115 | |
| | Cộng | 0 | 0 | 4 | 5900 | 2 | 900 | 1 | 3230 | 0 | 0 | 5 | 2100 | 0 | 0 | 15 | 525 | |

Đơn vị kinh phí: Triệu đồng

6.2. DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI/DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2015-2016

| TT | Tên đề tài/dự án | Chủ nhiệm đề tài/dự án | Cơ quan giao nhiệm vụ | Tổng kinh phí (triệu đồng) | Thời gian | Tình trạng | Ghi chú |
|----|--|------------------------|---|----------------------------|-----------------|----------------------|----------------------------|
| 1 | Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống turbine gió kiểu trục ngang có công suất trong dải 15-20kw. | Nguyễn Thế Mịch | KC.05.10/11-15 | 4.000 | 01/2011-12/2015 | Đã nghiệm thu | |
| 2 | Numerical – Experimental Combined Aerospace Design Tool Development – Apply for design and manufacture UAV ejecting pesticide (Đề tài CRI trong khuôn khổ AUNSEET-NET) | Nguyễn Phú Khánh | AUN-SeedNet (JICA), CRI, mã số 10/2014/HĐ-NĐT | 3.400 | 01/2014-12/2015 | Đã nghiệm thu | |
| 3 | Nghiên cứu phát triển công nghệ tạo khí giàu hydro để bổ sung cho động cơ xăng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu và giảm phát thải cho động cơ. | Lê Anh Tuấn | ĐT cấp Nhà nước thuộc chương trình KC.05.24/11-15 | 3.950 | 01/2014-12/2015 | Đã nghiệm thu 3/2016 | |
| 4 | Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống phun nhiên liệu điện tử cung cấp xăng sinh học có tỷ lệ cồn etanol tới 100% (E100) cho động cơ ô tô và xe máy sử dụng nhiên liệu linh hoạt | Phạm Hữu Tuyền | Bộ Công thương, mã số ĐT.09.2014/NLSH | 3.230 | 01/2014-12/2015 | | Dự kiến nghiệm thu 12/2016 |
| 5 | Nghiên cứu mô hình hóa sự hư hại của thép dưới tác động của tải trọng môi trường có biên độ thay đổi. | Vũ Quốc Huy | Quỹ NAFOSTED, mã số: 107.02-2014.25 | 300 | 3/2015-3/2017 | Đang triển khai | |
| 6 | Nghiên cứu mô phỏng số quá trình hóa rắn và nóng chảy của vật liệu chuyển pha. | Vũ Văn Trường | Bộ KHCN (NAFOSTED), mã số: 107.03-2014.21 | 600 | 3/2015-3/2017 | | Chuẩn bị nghiệm thu |
| 7 | Thiết kế chế tạo hệ thống thay đổi tỷ số nén vô cấp cho động cơ một xy lanh cỡ nhỏ sử dụng nhiên liệu khí và lỏng | Trần Đăng Quốc | Bộ GD&ĐT, mã số: B2015-01-106 | 500 | 01/2015-12/2016 | Đang triển khai | |
| 8 | Nghiên cứu sử dụng khí thiên nhiên nén (CNG) làm nhiên liệu thay thế trên các động cơ diesel hiện hành | Hoàng Đình Long | Bộ GD&ĐT, mã số: B2015-01-107 | 300 | 01/2015-12/2016 | Đang triển khai | |
| 9 | Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo tay máy robot 4 bậc tự do làm việc dưới nước ở độ sâu tối đa 30m | Trần Khánh Dương | Bộ GD&ĐT, mã số: B2016-BKA-17 | 350 | 01/2016-12/2017 | Đang triển khai | |

| TT | Tên đề tài/dự án | Chủ nhiệm đề tài/dự án | Cơ quan giao nhiệm vụ | Tổng kinh phí (triệu đồng) | Thời gian | Tình trạng | Ghi chú |
|-----------|--|-------------------------------|---|-----------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------|
| 10 | Nghiên cứu thiết kế chế tạo bộ xúc tác ba thành phần phù hợp với xăng pha cồn (E5-E20) lắp trên ô tô | Nguyễn Thế Lương | Bộ GD&ĐT, mã số: B2016-BKA-18 | 350 | 01/2016-12/2017 | Đang triển khai | |
| 11 | Investigation of gaseous and particle emissions from in-use motorcycles | Phạm Hữu Tuyển | AUN-SeedNet (JICA), CRC | 1.000 (48.500 USD) | 5/2016-03/2018 | Đang triển khai | |
| 12 | Nghiên cứu, xây dựng phần mềm tính toán mô phỏng đặc tính khí động đàn hồi của cánh khí cụ bay trong công nghiệp hàng không. | Nguyễn Phú Khánh | Bộ KHCN, Mã số: 10/2014/HĐ-NĐT | 3.400 | 6/2014-5/2016 | | Chuẩn bị nghiệm thu |
| 13 | Phát triển công cụ thiết kế vật bay kết hợp phương pháp thực nghiệm và mô phỏng số – Ứng dụng thiết kế và chế tạo máy bay phun thuốc trừ sâu | Hoàng Thị Kim Dung | AUN-SeedNet (JICA), Mã số: 06/CRI 2014-2016 | 1.000 (50.000USD) | 5/2014-3/2016 | Đã nghiệm thu (10/2016) | |
| 14 | Dynamic Friction Behaviors of Fluid Power Actuators and Their Mathematical Model. | Trần Xuân Bộ | AUN/SEED-Net, JICA-Nhật Bản: HUST CRA1401 | 500 | 3/2014-3/2016 | Đã nghiệm thu (4/2016) | |
| 15 | Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo tuabin gió phát điện trục ngang hai chong chóng (chong chóng kép) làm việc với tốc độ gió thấp. | Đỗ Huy Cương | Bộ GD&ĐT Mã số: B2014-01-70 | 600 | 2/2014-2/2016 | | Chuẩn bị nghiệm thu |
| 16 | Khảo sát và mô hình hóa đặc tính ma sát động của cơ cấu chấp hành thủy khí | Trần Xuân Bộ | Bộ KHCN (NAFOSTED) | 300 | 3/2013-3/2016 | Đã nghiệm thu | |

6.3 CÁC BÀI BÁO QUỐC TẾ CÓ CHỈ SỐ SCOPUS/ISI GIAI ĐOẠN 2015-2016

| STT | Tác giả | Tên bài báo | Tạp chí | Số, trang | Năm xuất bản | Bộ môn (vai trò) |
|-----|--|--|---|---------------------------------|--------------|-----------------------------------|
| 1 | T. V. Vu , G. Tryggvason, S. Homma and J. C. Wells | Numerical investigations of drop solidification on a cold plate in the presence of volume change | <i>International Journal of Multiphase Flow</i> | vol. 76, pp. 73–85 | 2015 | Máy thủy khí (tác giả chính) |
| 2 | P. K. Nguyen , K. Mori, T. K. D. Hoang | Research on Simulation and Experiment of Dynamic Aeroelastic Analysis on Wing Structure | <i>Applied Mechanics and Materials</i> | vol. 798, pp. 541–545 | 2015 | Hàng không (tác giả chính) |
| 3 | L. A. Tuan , N. T. Luong and K. N. Ishihara | Low-Temperature Catalytic Performance of Ni-Cu/Al ₂ O ₃ Catalysts for Gasoline Reforming to Produce Hydrogen Applied in Spark Ignition Engines | <i>Catalysts</i> | vol. 6, no. 3, pp. 45-1–17 | 2016 | Động cơ đốt trong (tác giả chính) |
| 4 | K. N. Duc , H. N. Tien and V. N. Duy | Performance enhancement and emission reduction of used motorcycles using flexible fuel technology | <i>Journal of the Energy Institute</i> | in press (available online) | 2016 | Động cơ đốt trong (tác giả chính) |
| 5 | T. Dinh, H.-P. Phan, T.-K. Nguyen, A. Qamar, A. R. M. Foisal, T. N. Viet , C.-D. Tran, Y. Zhu, N.-T. Nguyen and D. V. Dao | Environment-friendly carbon nanotube based flexible electronics for noninvasive and wearable healthcare | <i>Journal of Materials Chemistry C</i> | vol. 4, no. 42, pp. 10061–10068 | 2016 | Động cơ đốt trong (tham gia) |
| 6 | V. Dinh Quy , N. Van Sy, D. Tan Hung and V. Quoc Huy | Wind tunnel and initial field tests of a micro generator powered by fluid-induced flutter | <i>Energy for Sustainable Development</i> | vol. 33, pp. 75–83 | 2016 | Hàng không (tác giả chính) |
| 7 | T. V. Vu and J. C. Wells | Numerical simulations of solidification around two tandemly-arranged circular cylinders under forced convection | <i>International Journal of Multiphase Flow</i> | vol. 89, pp. 331–344 | 2016 | Máy thủy khí (tác giả chính) |

| | | | | | | |
|----|--|--|--|---------------------------------|------|--|
| 8 | T. V. Vu, A. V. Truong, N. T. B. Hoang and D. K. Tran | Numerical investigations of solidification around a circular cylinder under forced convection | <i>Journal of Mechanical Science and Technology</i> | vol. 30, no. 11, pp. 5019–5028 | 2016 | Máy thủy khí (tác giả chính) |
| 9 | T. V. Vu | Numerical simulation of inward solidification with volume change in cylindrical containers | <i>Journal of Chemical Engineering of Japan</i> | vol. 49, no. 10, pp. 904–908 | 2016 | Máy thủy khí (tác giả chính) |
| 10 | X. B. Tran, H. T. Dao and K. D. Tran | A new mathematical model of friction for pneumatic cylinders | <i>Proceedings of the Institution of Mechanical Engineers, Part C: Journal of Mechanical Engineering Science</i> | vol. 230, no. 14, pp. 2399–2412 | 2016 | Máy thủy khí (tác giả chính) |
| 11 | S. V. Pham, H. Kwon, B. Kim, J. K. White, G. Lim and J. Han | Helical vortex formation in three-dimensional electrochemical systems with ion-selective membranes | <i>Physical Review E</i> | vol. 93, no. 3, pp. 033114-1–5 | 2016 | Tàu thủy (tác giả chính) |
| 12 | N. Van He, K. Mizutani and Y. Ikeda | Reducing air resistance acting on a ship by using interaction effects between the hull and accommodation | <i>Ocean Engineering</i> | vol. 111, pp. 414–423 | 2016 | Tàu thủy (tác giả chính) |
| 13 | T. Soriano, N. V. Hien, K. M. Tuan and T. V. Anh | An object-unified approach to develop controllers for autonomous underwater vehicles | <i>Mechatronics</i> | vol. 35, pp. 54–70 | 2016 | Tàu thủy (đồng tác giả chính), Máy thủy khí (tham gia) |

Ghi chú: Tạp chí *Applied Mechanics and Materials* từ năm 2016 không còn được tính là tạp chí Scopus

6.4 CÁC BÀI BÁO QUỐC TẾ CÓ CHỈ SỐ SCI MAGO GIAI ĐOẠN 2015-2016

| STT | Tác giả | Tên bài báo | Tạp chí | Số, trang | Năm xuất bản | Bộ môn (vai trò) |
|-----|----------------------|--|--|-----------------------|--------------|--------------------------|
| 1 | Phan Anh Tuan | A study on hovercraft resistance using numerical modelling | <i>Applied Mechanics and Materials</i> | vol. 842, pp. 186–190 | 2016 | Tàu thủy (tác giả chính) |

Phụ lục 7. CÁC THIẾT BỊ ĐƯỢC DOANH NGHIỆP VÀ CỰU SINH VIÊN TẶNG NHÂN DỊP 60 NĂM

| STT | Tên thiết bị | Năm sản xuất | Nước sản xuất | Giá thành | Đơn vị thụ hưởng |
|-------------------|--|---------------------|----------------------|------------------------|----------------------------------|
| 1 | Tivi Samsung 50 inch | 2016 | Việt Nam | 15.000.000 | Văn phòng Viện |
| 2 | Máy tính HP + Máy in Canon | 2016 | Trung Quốc | 13.500.000 | BM Động cơ đốt trong |
| 3 | Máy chiếu | 2016 | Trung Quốc | 11.500.000 | |
| 4 | Tủ đựng dụng cụ | 2016 | Trung Quốc | 5.000.000 | |
| 5 | 02 Cây lọc nước | 2016 | Việt Nam | 10.000.000 | |
| 6 | Quạt treo tường | 2016 | Việt Nam | 4.000.000 | |
| 7 | Mô hình hệ thống nhiên liệu common rail | 2016 | Việt Nam | 50.000.000 | |
| 8 | Bộ thiết bị đào tạo khảo nghiệm, đo kiểm, vận hành và chẩn đoán hệ thống điều khiển động cơ phun dầu điện tử | 2016 | Việt Nam | 155.000.000 | |
| 9 | Hộp dụng cụ đồ nghề | 2016 | Nhật Bản | 10.000.000 | |
| 10 | 03 Điều hòa nhiệt độ | 2016 | Trung Quốc | 50.000.000 | BM KT Hàng không và Vũ trụ |
| 11 | Tivi Panasonic 55 inch | 2016 | Nhật bản | 20.000.000 | BM Kỹ thuật Thủy khí và Tàu thủy |
| 12 | Điều hòa LG 9000 BTU | 2016 | Trung Quốc | 8.000.000 | |
| 13 | Máy lọc nước KOCH | 2016 | Trung Quốc | 5.000.000 | |
| 14 | Case máy tính | 2016 | Đông Nam Á | 41.500.000 | BM Máy và Tự động thủy khí |
| 15 | Máy in nhựa 3D (10cm x 10cm) | 2016 | Việt Nam | 10.000.000 | |
| 16 | Máy chiếu | 2016 | Đông Nam Á | 10.000.000 | |
| Tổng cộng: | | | | 418.500.000 VNĐ | |

Phụ lục 8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | Hạng mục | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|------------|--|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| THU | Số dư đầu kỳ | 155,034,050 | 217,982,449 | 181,507,268 | 245,660,128 |
| | 1. Trích từ điều hành (Viện, SDH, CTĐT Nissan, ĐTLT, KP tự chủ) | 106,566,500 | 149,549,079 | 213,486,715 | 127,305,584 |
| | 2. Hợp đồng, đề tài | 95,704,000 | 94,464,940 | 89,056,200 | 55,872,000 |
| | 3. Tài trợ/biêu tặng cho các hoạt động 60 năm thành lập trường | 0 | 0 | 0 | 232,000,000 |
| | 4. Thu khác | 124,674,699 | 99,409,800 | 37,669,300 | 126,444,000 |
| | <u>Tổng số</u> | 481,979,249 | 561,406,268 | 521,719,483 | 541,621,584 |
| CHI | 1. Văn phòng (Tel, Fax, Vpp, nước, đồ dùng, thiết bị, vệ sinh, sửa chữa,...) | 19,858,000 | 37,625,000 | 15,043,000 | 13,113,000 |
| | 2. Phúc lợi | 183,028,100 | 210,943,000 | 188,973,855 | 198,782,000 |
| | 3. Hiếu hỷ, thăm hỏi, ốm đau, hưu, | 9,730,000 | 4,525,000 | 8,780,000 | 7,261,000 |
| | 4. Hỗ trợ các đoàn thể, phong trào, sinh viên,... | 24,596,500 | 40,529,000 | 32,316,500 | 97,254,000 |
| | 5. Đối ngoại | 14,300,200 | 6,425,000 | 21,339,000 | 9,100,000 |
| | 6. Chi phí cho các hoạt động 60 năm thành lập Trường | | | | 145,765,000 |
| | 7. Chi khác | 12,484,000 | 79,852,000 | 9,607,000 | 68,113,080 |
| | <u>Tổng số</u> | 263,996,800 | 379,899,000 | 276,059,355 | 539,388,080 |
| TÒN | KP. 2016 tính đến ngày 06/12/2016 | <u>217,982,449</u> | <u>181,507,268</u> | <u>245,660,128</u> | <u>247,893,632</u> |

Phụ lục 9. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THANH NIÊN, HỘI SINH VIÊN 2012-2016

| STT | Tên hoạt động | Thời gian |
|------------|---|------------------|
| 1 | Tham gia cuộc thi "Thiết kế, chế tạo, điều khiển máy bay mô hình" tại Đại học Lê Quý Đôn (tháng 3 hàng năm; năm 2013 đạt 01 Giải Nhất; 01 Giải Công nghệ; Năm 2014 đạt 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 01 Giải Công nghệ; Năm 2015 đạt 01 giải Nhì; 01 Giải Ba; 01 Giải Công nghệ, 01 Giải Khuyến khích) | 2013-2015 |
| 2 | Hỗ trợ Viện tổ chức chương trình SHCD và trao học bổng Motul (tháng 11 hàng năm) | 2012-2016 |
| 3 | Tổ chức Lễ tổng kết tuần SVNCKH cấp Viện (tháng 5 hàng năm) | 2012-2016 |
| 4 | Tham gia triển lãm SV NCKH tại C2 (tháng 5 hàng năm, đạt giải Nhì toàn trường các năm 2012, 2013, 2014, 2016) | 2012-2016 |
| 5 | Xuất bản tờ tin sinh viên Viện Cơ khí Động lực (02 số mỗi năm) | 2012-2015 |
| 6 | Chiến dịch Mùa hè xanh tình nguyện (tháng 7 hàng năm) | 2012-2016 |
| 7 | Chiến dịch tình nguyện tiếp sức mùa thi (tháng 7 hàng năm) | 2012-2016 |
| 8 | Tham gia Giải bóng đá nữ ĐH BKHN (tháng 3 hàng năm) | 2013-2015 |
| 9 | Đội bóng nam sinh viên CKDL vô địch giải bóng đá BK-League 2014 | 2014 |
| 10 | Thành lập CLB Tiếng Anh CKDL (STEEC) | T09/2013 |
| 11 | Chương trình tình nguyện Trung thu "Vàng trắng ước mơ" (tháng 9 hàng năm) | 2012-2014 |
| 12 | Chương trình tình nguyện "Giáng sinh cho em", Viện Huyết học và Truyền máu TW (tháng 12 hàng năm) | 2012-2016 |
| 13 | Chương trình tình nguyện Tết ấm áp, Tặng bánh trung cho những người vô gia cư trên địa bàn Hà Nội (tháng 12 âm lịch) | 2013-2015 |
| 14 | Tham gia Văn nghệ công Đoàn cùng Công Đoàn Viện Cơ khí Động lực, Giải Ba tập thể, giải Nhì Bình chọn mạng xã hội. | T10/2014 |
| 15 | Vô địch Giải bóng đá Cán bộ trẻ 2014 | T12/2014 |
| 16 | Vô địch Giải bóng đá CLB Cơ khí Động lực 2015 | 03/2015 |
| 17 | Chương trình "Giáng sinh diệu kỳ" do CLB tiếng anh Cơ khí Động lực tổ chức (tháng 12) | 2013-2014 |
| 18 | Chương trình tình nguyện Tết yêu thương (tháng 12 âm lịch hàng năm) | 2014-2015 |
| 19 | Hỗ trợ nấu và tặng cháo miễn phí cho bệnh nhân nghèo tại viện A, (Địa điểm 109 Hoàng Hoa Thám; Hỗ trợ CLB Hà Nội Bạn Và Tôi;) (thứ 5 hàng tuần) | 2014-2016 |
| 20 | Hỗ trợ nấu và tặng cơm cho bệnh nhân nghèo ở Viện K, (Tại 14B Bảo Khánh; Hỗ trợ CLB Hà Nội Bạn Và Tôi;) (thứ 5 hàng tuần) | 2014-2016 |
| 21 | Giải Nhì hạng mục xe tự chế Cuộc thi lái xe sinh thái – Tiết kiệm nhiên liệu HONDA EMC 2015 | T04/2015 |
| 22 | Các lớp học phát âm; học thi ToEIC do CLB tiếng anh Viện Cơ khí Động lực STEEC tổ chức (Định kì 02 tháng/lớp) | 2013-2016 |
| 23 | Sinh viên Viện CKDL tham gia Chương trình "Sáng tạo Việt" do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức. | 11/2015 |
| 24 | Hỗ trợ Hội chợ "Khởi hành" do HSV Trường tổ chức | 04/2016 |
| 25 | CLB Solidworks dạy phần mềm kỹ thuật miễn phí cho sinh viên. | |
| 26 | Hỗ trợ Viện CKDL tổ chức Hội nghị Khoa học – Công nghệ toàn quốc về Cơ khí – Động lực 2016 | 10/2016 |
| 27 | Thi xe tiết kiệm nhiên liệu Shell Eco-Marathon 2016 tại Philippines | 03/2016 |
| 28 | Thi lái xe sinh thái – Tiết kiệm nhiên liệu HONDA EMC 2016 | 04/2016 |
| 29 | Tham gia Văn nghệ công Đoàn cùng Công Đoàn Viện Cơ khí Động lực, Giải Ba tập thể | 10/2016 |

Phụ lục 10. CÁC PHẦN THƯỞNG ĐOÀN THANH NIÊN VIỆN CKĐL

Năm học 2013-2014

| TT | Đơn vị khen thưởng | Đơn vị được khen thưởng | Thành tích | Hình thức khen thưởng | | | Ghi chú |
|----|-------------------------|--|--|-----------------------|----|----------|---------|
| | | | | Bằng khen | Cờ | Số tiền | |
| 1 | BCH TW Đoàn TNCS HCM | Phan Anh Tuấn, Phó Bí thư Đoàn trường | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2012-2014 | X | | 50,000 | |
| 2 | BCH Thành Đoàn Hà Nội | Vũ Đình Quý, Bí thư LCD Viện Cơ khí Động lực | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2013-2014 | X | | | |
| 3 | BCH Thành Đoàn Hà Nội | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực | Đơn vị có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2013-2014 | X | | | |
| 4 | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực | Giải Nhì trong công tác tổ chức và triển lãm sản phẩm SV NCKH Năm học 2013-2014 | | X | 500,000 | |
| 5 | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN | Đội bóng đá Nam sinh viên - Viện Cơ khí Động lực | Vô địch Giải bóng đá BK-League, 04/2014 | | | 2000.000 | |

Năm học 2014-2015

| TT | Đơn vị khen thưởng | Đơn vị được khen thưởng | Thành tích | Hình thức khen thưởng | | | Ghi chú |
|----|---------------------------------|---|--|-----------------------|----|----------|---------|
| | | | | Bằng khen | Cờ | Số tiền | |
| 1 | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội | Đội xe BK-AUTO, Viện Cơ khí Động lực | Đạt giải Nhì hạng mục xe tự chế - Cuộc thi “Lái xe sinh thái – Tiết kiệm nhiên liệu Honda Eco Milleage Challenge 2015” | X | | | |
| 2 | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN | Đội bóng đá Nam cán bộ trẻ - Viện Cơ khí Động lực | Vô địch Giải bóng đá Cán bộ trẻ Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, 12/2014 | | | 2000.000 | |

| | | | | | | | |
|---|-------------------|------------------------|--|---|--|---|--|
| 3 | Khoa HKVT-HV KTQS | Đội thi MBMH Viện CKDL | 01 Giải Thiết kế; 01 Giải Nhì+ 01 Giải khuyến khích) cuộc thi “Thiết kế, chế tạo, điều khiển máy bay mô hình” lần thứ 3, | x | | x | |
|---|-------------------|------------------------|--|---|--|---|--|

Năm học 2015-2016

| TT | Đơn vị khen thưởng | Đơn vị được khen thưởng | Thành tích | Hình thức khen thưởng | | | Ghi chú |
|----|--|--|--|-----------------------|----|---------|---------|
| | | | | Bằng khen | Cờ | Số tiền | |
| 1 | Hội sinh viên trường ĐH Bách khoa Hà Nội | Dương Thị Hiện, Bùi Văn Chiến | Đạt Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” cấp trường | X | | x | |
| 2 | Hội Sinh viên Việt Nam Thành phố Hà Nội | Nguyễn Quang Huy, Lê Quỳnh Trang | Đạt Danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” cấp Thành phố | x | | x | |
| 3 | BCH Đoàn Trường ĐHBK HN | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực | Giải Nhì trong công tác tổ chức và triển lãm sản phẩm SV NCKH Năm học 2015-2016 | | X | 500,000 | |
| 4 | BCH Thành Đoàn Hà Nội | Vũ Đình Quý, Bí thư LCD Viện Cơ khí Động lực | Có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2015-2016 | X | | | |
| 5 | BCH Thành Đoàn Hà Nội | Liên chi đoàn Viện Cơ khí Động lực | Đơn vị có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học, học viện, cao đẳng năm học 2015-2016 | X | | | |

Phụ lục 11. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

11.1. CÁ NHÂN

| TT | Năm học | LĐTT | CSTĐ | CSTĐ cấp Bộ | BK TTCP | BK Bộ GD&ĐT | HCLĐ Hạng Ba | Nhà giáo Ưu tú | Phó giáo sư |
|------------------|-------------------------------|-----------|--|------------------|-----------------|------------------|--------------|----------------|-----------------|
| 2013-2014 | | 65 | 19 | 3 | 3 | 4 | | | 4 |
| 1 | BM + PTN Động cơ đốt trong | 15 | 4 | 1 | 2 | | | | 1 |
| | | | Phạm Minh Tuấn | Phạm Minh Tuấn | Hoàng Đình Long | | | | Khổng Vũ Quảng |
| | | | Lê Anh Tuấn | | Lê Anh Tuấn | | | | |
| | | | Khổng Vũ Quảng Phạm Hữu Tuyển | | | | | | |
| 2 | BM Ô tô và Xe CD | 11 | 2 | | | 1 | | | |
| | | | Dương Ngọc Khánh Đàm Hoàng Phúc | | | Dương Ngọc Khánh | | | |
| 3 | BM Máy & TĐTK | 12 | 3 | | | 1 | | | 1 |
| | | | Nguyễn Thế Mịch Trương Việt Anh Trần Khánh Dương | | | Trương Việt Anh | | | Trương Việt Anh |
| | | | | | | | | | |
| 4 | BM KTTK & TT | 13 | 6 | 1 | 1 | 1 | | | 1 |
| | | | Lê Quang Lương Ngọc Lợi Lê Thanh Tùng Hoàng Công Liêm Lê Thị Thái Phan Anh Tuấn | Phan Anh Tuấn | Lương Ngọc Lợi | Lê Thị Thái | | | Lê Thanh Tùng |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| 5 | BM KT Hàng không & VT | 11 | 4 | 1 | | 1 | | | 1 |
| | | | Tạ Thành Liêm Đình Tấn Hưng Nguyễn Phú Khánh Vũ Đình Quý | Nguyễn Phú Khánh | | Vũ Quốc Huy | | | Nguyễn Phú Hùng |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| 6 | VP Viện | 3 | | | | | | | |

| TT | Năm học | LĐTT | CSTĐ | CSTĐ cấp Bộ | BK TTCP | BK Bộ GD&ĐT | HCLĐ Hạng Ba | Nhà giáo Ưu tú | Phó giáo sư |
|------------------|-------------------------------|-----------|-------------------|------------------|-------------------|-----------------|-------------------|----------------|-------------------|
| 2014-2015 | | 67 | 22 | 3 | 3 | 6 | 1 | | 2 |
| 1 | BM + PTN Động cơ đốt trong | 15 | 3 | 1 | | 2 | | | |
| | | | Lê Anh Tuấn | Phạm Hữu Tuyển | | Khổng Vũ Quảng | | | |
| | | | Khổng Vũ Quảng | | | Phạm Hữu Tuyển | | | |
| | | | Phạm Hữu Tuyển | | | | | | |
| 2 | BM Ô tô và Xe CD | 12 | 4 | 1 | | 1 | 1 | | |
| | | | Dương Ngọc Khánh | Dương Ngọc Khánh | | Đàm Hoàng Phúc | Nguyễn Trọng Hoan | | |
| | | | Đàm Hoàng Phúc | | | | | | |
| | | | Hồ Hữu Hải | | | | | | |
| | | | Hoàng Thăng Bình | | | | | | |
| 3 | BM Máy & TĐTK | 12 | 5 | | | | | | 1 |
| | | | Bùi Quốc Thái | | | | | | Hoàng Sinh Trường |
| | | | Hoàng Sinh Trường | | | | | | |
| | | | Trương Việt Anh | | | | | | |
| | | | Trần Khánh Dương | | | | | | |
| | Đỗ Thành Công | | | | | | | | |
| 4 | BM KTTK & TT | 13 | 5 | 1 | 2 | 1 | | | |
| | | | Lương Ngọc Lợi | Lê Thị Thái | Lê Quang | Hoàng Công Liêm | | | |
| | | | Lê Thanh Tùng | | Lê Thanh Tùng* | | | | |
| | | | Hoàng Công Liêm | | | | | | |
| | | | Lê Thị Thái | | | | | | |
| | Phan Anh Tuấn | | | | | | | | |
| 5 | BM KT Hàng không & VT | 11 | 5 | | 1 | 2 | | | 1 |
| | | | Tạ Thành Liêm | | Nguyễn Phú Khánh* | Đình Tấn Hưng | | | Nguyễn Phú Khánh |
| | | | Đình Tấn Hưng | | | Vũ Đình Quý | | | |
| | | | Nguyễn Phú Khánh | | | | | | |
| | | | Vũ Quốc Huy | | | | | | |
| | Vũ Đình Quý | | | | | | | | |
| 6 | VP Viện | 4 | | | | | | | |

Ghi chú: () đã được cấp trường thông qua, đang chờ cấp trên xét duyệt*

| TT | Năm học | LĐT | CSTĐ | CSTĐ cấp Bộ | BK TTCP | BK Bộ GD&ĐT | KNC vì sự nghiệp GD | KNC vì sự nghiệp KHCN | Phó giáo sư |
|------------------|-------------------------------|-----------|-------------------|------------------|-------------------|-------------------|---------------------|-----------------------|-----------------|
| 2015-2016 | | 68 | 14 | 2 | 1 | 1 | 3 | 7 | 4 |
| 1 | BM + PTN Động cơ đốt trong | 15 | 3 | | | | | | 3 |
| | | | Lê Anh Tuấn | | | | | | Phạm Hữu Tuyển |
| | | | Khổng Vũ Quảng | | | | | | Trần.T.T. Hương |
| | | | Trần Đăng Quốc | | | | | | Trần Quang Vinh |
| 2 | BM Ô tô và Xe CD | 13 | 2 | 1 | | | | | |
| | | | Dương Ngọc Khánh | Đàm Hoàng Phúc* | | | | | |
| | | | Đàm Hoàng Phúc | | | | | | |
| 3 | BM Máy & TĐTK | 13 | 3 | 1 | | 1 | | 4 | |
| | | | Bùi Quốc Thái | Trương Việt Anh* | | Trần Khánh Dương* | | Nguyễn Thế Mịch | |
| | | | Trương Việt Anh | | | | | Hoàng Sinh Trường | |
| | | | Trần Khánh Dương | | | | | Hoàng .T. Bích Ngọc | |
| | | | | | | | Trương Việt Anh | | |
| 4 | BM KTTK & TT | 12 | 2 | | | | 2 | 3 | 1 |
| | | | Nghiêm Xuân Giang | | | | Phạm.T.T. Hương | Lê Quang | Phan Anh Tuấn |
| | | | Ngô Văn Hệ | | | | Lê Thị Thái | Lương Ngọc Lợi | |
| | | | | | | | Ngô Văn Hiền | | |
| 5 | BM KT Hàng không & VT | 11 | 4 | | 1 | | 1 | | |
| | | | Tạ Thành Liêm | | Nguyễn Phú Khánh* | | Tạ Thành Liêm | | |
| | | | Nguyễn Phú Khánh | | | | | | |
| | | | Vũ Quốc Huy | | | | | | |
| | | | Hoàng.T. Kim Dung | | | | | | |
| 6 | VP Viện | 4 | | | | | | | |

Ghi chú: () đã được cấp trường thông qua, đang chờ cấp trên xét duyệt*

11.2. TẬP THỂ

| TT | Năm học | Lao động tiên tiến | Lao động XS cấp Bộ | Cờ thi đua Bộ GD&ĐT | BK Bộ GD&ĐT |
|----|------------------------------------|--------------------|--------------------|---------------------|-------------|
| | 2012 - 2013 | 6 | 1 | | |
| 1 | Bộ môn Động cơ đốt trong | x | | | |
| 2 | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | x | x | | |
| 3 | Bộ môn Máy & TĐTK | x | | | |
| 4 | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | x | | | |
| 5 | BM KT Hàng không & VT | x | | | |
| 6 | Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong | x | | | |
| | 2013 - 2014 | 5 | 2 | | 1 |
| 1 | Bộ môn Động cơ đốt trong | x | x | | |
| 2 | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | x | | | x |
| 3 | Bộ môn Máy & TĐTK | x | | | |
| 4 | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | x | x | | |
| 5 | Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong | x | | | |
| | 2014 - 2015 | 8 | 1 | | |
| 1 | Viện Cơ khí Động lực | x | x | | |
| 2 | Bộ môn Động cơ đốt trong | x | | | |
| 3 | Bộ môn Ô tô và Xe chuyên dụng | x | | | |
| 4 | Bộ môn Máy & TĐTK | x | | | |
| 5 | Bộ môn KT Thủy khí & Tàu thủy | x | | | |
| 6 | BM KT Hàng không & VT | x | | | |
| 7 | Phòng thí nghiệm Động cơ đốt trong | x | | | |
| 8 | Văn phòng Viện | x | | | |
| | 2015-2016 | 1 | 1 | | |
| 1 | Viện Cơ khí Động lực | x | x* | | |

Ghi chú: () đã được cấp trường thông qua, đang chờ cấp trên xét duyệt*